

Bản án số: 245/2026/HS-ST
Ngày: 14-5-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Sơn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Ngọc Trang
2. Ông Lương Trọng Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hồng Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Đông – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2026/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 75/2026/HSST-QĐ ngày 14 tháng 4 năm 2026 đối với bị cáo:

PHÙNG THỊ BẢO N1, sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi thường trú: B X, phường T (*trước đây là Phường B, quận B*), Thành phố Hồ Chí Minh; Nơi ở hiện nay: Phòng số 01, số D V, phường A (*trước đây là phường T, thành phố T*), Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phùng Xuân Đ và bà Đào Thu P; Chồng: không xác định; Con: có 01 con sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/12/2022.
(*Bị cáo có mặt*)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Lê Thị H, sinh năm 1979

HKTT: Tổ A, phường H (*trước đây là phường Hòa Minh, quận Liên Chiểu*), Thành phố Đà Nẵng

Địa chỉ: 285/125/18 Cách Mạng Tháng 8, phường Hòa Hưng, Thành phố Hồ Chí Minh

(*Vắng mặt*)

- Bà Nguyễn Thúy Q, sinh năm 1980

Địa chỉ: xã H (trước đây là xã D, huyện H), tỉnh Nghệ An.

Địa chỉ: 1 B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- Ông Nguyễn Anh P1, sinh năm 1995

HKTT: 311/31 N, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 3 tổ E, phường T (trước đây là KP5, phường H), Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- Bà Trần Thụy Ngọc H1, sinh năm 1991

HKTT: Tổ E, phường T (trước đây là phường C, quận T), Thành phố Đà Nẵng.

Địa chỉ: 4 T, phường P, TP . Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- Ông Trần Văn S, sinh năm 1974

Địa chỉ: Thôn G, xã N, tỉnh Phú Thọ (trước đây là xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc).

(Vắng mặt)

- Ông Trương Khánh H2, sinh năm 2001

Địa chỉ: A L, phường M, TP . Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- Bà Trương Thị H3, sinh năm 1973

HKTT: 650 P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: 7 L, phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

- Ông Mai Văn H4, sinh năm 1968

Địa chỉ: F P, phường C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

Người bào chữa của bị cáo: Ông Nguyễn Văn N – Luật sư thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H.

Địa chỉ: 373/24/16 T, phường T, TP . Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 3/2022, Phùng Thị Bảo N1 sử dụng điện thoại di động lên mạng xã hội Facebook tìm việc làm và để lại số điện thoại số 0767366050 để liên lạc. Lúc này, N1 nhận được điện thoại của 01 người đàn ông (không rõ lai lịch) giới thiệu công việc cho N1 là mở tài khoản ngân hàng và nhận tiền công là 500.000 đồng/01 tài khoản mở được. Người đàn ông trên yêu cầu N1 gửi địa chỉ nơi N1 đang ở, ảnh thẻ 3x4 của N1 rồi cho người đến lấy. Sau đó, N1 nhận được các giấy chứng minh nhân dân mang thông tin cá nhân không có thật nhưng dán hình ảnh của N1 cùng 01 điện thoại di động hiệu OPPO A55 màu đen, bên trong

có 01 sim điện thoại số 0367179232 và được đưa vào nhóm T tên “*Nhóm Sài G*” đề 01 người có tên “*NY*” hướng dẫn công việc. Với cách thức như trên, từ tháng 3/2022 đến ngày 03/6/2022, N1 được đối tượng này cung cấp 07 chứng minh nhân dân có hình của N1 nhưng mang tên Lê Thị H số 202927109 cấp ngày 20/8/2020, Nguyễn Thúy Q số 188389100 cấp ngày 21/5/2019, Lê Bích N2 số 188290338 cấp ngày 19/12/2019, Trần Thị T1 số 122810789 cấp ngày 21/5/2020, Nguyễn Thị H5 (không nhớ số, ngày cấp), Cao Thị Duyên số 122901477 cấp ngày 16/8/2019, Trương Ngọc Á số 122870056 cấp ngày 21/8/2019. N2 biết rõ các chứng minh nhân dân là giả nhưng vẫn sử dụng 07 chứng minh nhân dân trên để mở 47 tài khoản ngân hàng tại 12 ngân hàng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, gồm: Ngân hàng A, Ngân hàng TMCP Q2, Ngân hàng B, Ngân hàng V, Ngân hàng TMCP S2, Ngân hàng TMCP V1, Ngân hàng TMCP M, Ngân hàng TMCP V2, Ngân hàng TMCP A1, Ngân hàng TMCP S3, Ngân hàng V3, Ngân hàng TMCP S4, sau đó bán lại cho đối tượng này thu lợi tổng số tiền 23.715.000 đồng số tiền này N2 dùng để tiêu xài cá nhân hết.

Đến ngày 03/6/2023, N2 sử dụng giấy chứng minh nhân dân số 122901447 tên Cao Thị D để mở tài khoản ngân hàng tại Ngân hàng S5, địa chỉ số D V, Phường E, Quận C thì bị phát hiện và đưa về trụ sở Công an P2, Quận C (nay là phường B, Thành phố Hồ Chí Minh) để làm việc.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Phùng Thị Bảo N1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên, phù hợp với những tài liệu chứng cứ mà Cơ quan điều tra đã thu thập thể hiện trong hồ sơ vụ án.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phùng Thị Bảo N1 tại địa chỉ số B Hoàng Anh River V N, phường T, thành phố T (nay là phường A, Thành phố Hồ Chí Minh), Cơ quan điều tra thu giữ: 01 giấy chứng minh nhân dân tên Trần Thụy Ngọc H1 số 201612790, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Ngọc L số 022853124, 01 giấy chứng minh nhân dân tên Lê Bích N2 số 188290338, 01 thẻ ngân hàng TMCP V2 số 5318280008493128 mang tên Le Bich N3, 01 thẻ ngân hàng V số 4524041846197955 mang tên Phung Thi B, 01 thẻ ngân hàng B số 9704180000041592734 Le B.

Tại Bản kết luận giám định số 3945 ngày 21/7/2022 của Phòng K Công an T2 kết luận:

- Bản in phôi “*Giấy chứng minh nhân dân*” cần giám định số 201612790, họ tên Trần Thụy Ngọc H1, sinh ngày 10/02/1991, đề ngày 12/3/2015 là thật.

- Không đủ cơ sở kết luận hình dấu tròn và dấu chữ ký tên “*Nguyễn Văn SI*” trên giấy CMND số 201612790, họ tên Trần Thụy Ngọc H1, sinh ngày 10/02/1991, đề ngày 12/3/2015 là thật hay giả.

- 04 mẫu “*Giấy chứng minh nhân dân*” số 022853124, họ tên Lê Ngọc L, sinh ngày 14/10/1988, đề ngày 19/5/2015; số 122870056, họ tên Trương Ngọc Á, sinh ngày 06/02/1979, đề ngày 21/8/2019; số 188290338 họ tên Lê Bích N2, sinh ngày 26/3/1979, đề ngày 19/12/2019; số 122901447, họ tên Cao Thị D, sinh ngày 27/8/1980, đề ngày 16/8/2019 là giả.

Tại Cáo trạng số 184/CT-VKSKV1 ngày 09/01/2026 Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Phùng Thị Bảo N1 về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa,

Bị cáo thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố H đã truy tố bị cáo đúng người đúng tội và đúng hành vi mà bị cáo đã gây ra. Lời nói sau cùng bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Phùng Thị Bảo N1 từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Luật sư Nguyễn Văn N bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất về tội danh và khung hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự bởi bị cáo hiện là lao động chính đang nuôi con bị mắc bệnh hiểm nghèo. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án đầu khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Quá trình điều tra, truy tố Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Thành phố T2, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 - Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự và thủ tục theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tố tụng cũng như người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Xét, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là thống nhất phù hợp với lời khai nhận tội của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với kết luận giám định cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở kết luận:

Với ý định sử dụng chứng minh nhân dân giả để mở các tài khoản tại ngân hàng sau đó bán cho các đối tượng trên mạng xã hội nhằm thu lợi bất chính. Từ tháng 3/2022 đến ngày 03/6/2022, Phùng Thị Bảo N1 đã sử dụng 07 giấy chứng minh nhân dân giả do các đối tượng trên mạng xã hội cung cấp để mở 47 tài khoản tại các ngân hàng khác nhau trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh rồi đem bán lại cho các đối tượng này thu lợi tổng cộng 23.715.000 đồng là bị cáo Phùng Thị Bảo N1 đã phạm tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b, đ khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Bị cáo Phùng Thị Bảo N1 là người đã trưởng thành nên biết rõ việc cố tình sử dụng con dấu, tài liệu giả của cơ quan tổ chức là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị trừng trị rất nghiêm khắc nhưng vì hám lợi xem thường pháp luật mà bị cáo đã bất chấp cố tình thực hiện.

[4] Hành vi sử dụng chứng minh nhân giả (*nhân thân của những người đứng tên trên các giấy tờ này là không có thật*) để đến ngân hàng mở các tài khoản sau đó bán lại cho các đối tượng không rõ lai lịch mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội; đã xâm phạm trực tiếp đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước; tiếp tay - giúp sức cho các đối tượng xấu thực hiện các giao dịch bất hợp pháp thông qua các tài khoản ngân hàng (*các tài khoản không xác định được chủ sở hữu do bị cáo đã tạo ra*); tác động xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội tại địa phương.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Xét quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo hiện là lao động chính đang nuôi con bị mắc bệnh hiểm nghèo nên khi lượng hình cần áp dụng điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025 để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

[7] Xét, bị cáo sử dụng chứng minh nhân dân giả để đi mở 47 tài khoản bán thu lợi bất chính. Tuy nhiên, quá trình điều tra đã xác định được những người đứng tên trên các tài khoản ngân hàng do bị cáo mở là không có thật (*do sử dụng giấy tờ giả, nhân thân không có thật*). Vì vậy, viện kiểm sát không truy tố bị cáo về tội “*Thu thập, tàng trữ, trao đổi, mua bán, công khai hóa trái phép thông tin về tài khoản ngân hàng*”.

[8] Đối với Nguyễn Anh P1 là người đứng tên chủ tài khoản số 1018828578 tại Ngân hàng V, tài khoản này đã chuyển khoản tiền mua tài khoản cho bị cáo N1 số tiền 22.615.000 đồng qua tài khoản của N1 số 02134852401 tại Ngân hàng T3. Quá trình điều tra xác định, khoảng tháng 01/2021, P1 mở tài khoản ngân hàng trên nhưng đã bán cho 01 người đàn ông (*không rõ lai lịch*) với giá 800.000 đồng. P1 và N1 không biết nhau, chưa từng gặp nhau và P1 cũng không làm giả chứng minh nhân dân để đưa cho N1 đi mở tài khoản ngân hàng, nên chưa đủ cơ sở để xử lý trách nhiệm hình sự của P1 trong vụ án này.

[9] Đối với các đối tượng trên mạng xã hội làm giả các giấy chứng minh nhân dân và đưa cho N1 để mở tài khoản ngân hàng, do không rõ thông tin lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra xác minh, có căn cứ sẽ xử lý sau.

[10] Quá trình điều tra xác định, đối tượng chưa rõ lai lịch đã sử dụng số điện thoại 0903608358 để liên lạc với bị cáo N1 trong việc cung cấp giấy tờ giả và mua tài khoản ngân hàng. Số điện thoại này do ông Trần Văn S đứng tên chủ thuê bao, ông S khai nhận không biết Phùng Thị Bảo N1, và cũng không sử dụng số điện thoại 0903608358, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra chưa đủ căn cứ để xử lý đối với S.

[11] Về thu lợi bất chính:

Quá trình điều tra, xác định bị cáo N1 đã thu lợi bất chính được 23.715.000 đồng. Số tiền thu lợi bị cáo đã tiêu xài hết và xin được nộp lại. Xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần buộc bị cáo phải nộp lại số tiền này để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[12] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 chứng minh nhân dân tên Cao Thị D số 122901477, 01 chứng minh nhân dân tên Trương Ngọc A số 122870056, 01 chứng minh nhân dân tên Lê Ngọc L số 022853124, 01 chứng minh nhân dân tên Lê Bích N2 số 188290338, đây là giấy tờ giả nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 thẻ ngân hàng A2 số 9704162469986580 tên Phùng Thị Bảo N1; 01 thẻ Ngân hàng T4 số 9704231321527674 tên Phùng Thị Bảo N1; 01 thẻ Ngân hàng B1 số 9704548100785193 tên Phùng Thị Bảo N1; 01 thẻ Ngân hàng V số 4524041846197955 tên Phùng Thị Bảo N1 đây là các thẻ ngân hàng bị cáo được cấp để sử dụng nên cần giao trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 thẻ Ngân hàng S4 số 4374202603461916 tên Nguyễn Thị Q1; 01 thẻ Ngân hàng VIB số 5318280008493128 tên L1; 01 thẻ Ngân hàng B số 9704180000041592734 tên Le B, đây là các thẻ ngân hàng do bị cáo N1 sử dụng giấy tờ giả để được cấp, thông tin nhân thân chủ tài khoản là không có thật nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO A55 màu đen, máy đã qua sử dụng số IMEI 1: 867143061965133, số IMEI 2: 867143061965125; 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, máy đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352182860348556, số IMEI 2: 352182862348554; 01 điện thoại di động hiệu Asus Zenphone màu đen, máy đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357867063074166, số IMEI 2: 357867063074174. Qua điều tra xác định bị cáo sử dụng các điện thoại này làm công cụ liên lạc để phục vụ cho việc sử dụng giấy tờ giả mở tài khoản ngân hàng nên cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe máy hiệu honda Wave RSX, màu đen, biển số: 59M2 - 041.55, không có số máy, số khung thu giữ của bị cáo N1. Bị cáo khai mua chiếc xe này của 01 người đàn ông trên mạng xã hội không rõ lai lịch, không làm giấy tờ mua bán. Qua xác minh, biển số 59M2-041.55 (*hiện gắn trên chiếc xe thu giữ của bị cáo*) được cơ quan thẩm quyền cấp để gắn cho chiếc xe gắn máy có số máy JA38E0039846, số khung RLHJA3824GY013614 do ông Trương Khánh H2, địa chỉ số A L, Phường G, Quận A đứng tên chủ sở hữu. Khoảng tháng 8/2019, anh H2 đưa chiếc xe này cho cô ruột là chị Trương Thị H3 sử dụng. Chị H3 khai nhận đang sử dụng xe máy biển số 59M2 - 041.55 nhưng đã làm mất giấy tờ xe.

Do đó cần giao chiếc xe gắn máy thu giữ của bị cáo cho cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền để thông báo tìm kiếm chủ sở hữu và giao trả là phù hợp.

[13] Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b, đ khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Xử phạt: Bị cáo Phùng Thị Bảo N1 03 năm tù về tội “*Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và năm 2025.

Buộc bị cáo Phùng Thị Bảo N1 nộp lại số tiền 23.715.000 đồng để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025:

- Giao trả cho bị cáo 01 thẻ ngân hàng A2 số 9704162469986580 tên Phùng Thị Bảo N1; 01 thẻ Ngân hàng T4 số 9704231321527674 tên Phùng Thị Bảo N1; 01 thẻ Ngân hàng B1 số 9704548100785193 tên Phùng Thị Bảo N1; 01 thẻ Ngân hàng V số 4524041846197955 tên Phùng Thị Bảo N1

- Tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

+ 01 chứng minh nhân dân tên Cao Thị D số 122901477; 01 chứng minh nhân dân tên Trương Ngọc A số 122870056; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Ngọc L số 022853124; 01 chứng minh nhân dân tên Lê Bích N2 số 188290338.

+ 01 thẻ Ngân hàng S4 số 4374202603461916 tên Nguyễn Thị Q1, 01 thẻ Ngân hàng V2 số 5318280008493128 tên Le B, 01 thẻ Ngân hàng B số 9704180000041592734 tên Le B.

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước các tài sản sau:

+ 01 điện thoại di động hiệu OPPO A55 màu đen, máy đã qua sử dụng số IMEI 1: 867143061965133, số IMEI 2: 867143061965125;

+ 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu đen, máy đã qua sử dụng, số IMEI 1: 352182860348556, số IMEI 2: 352182862348554;

+ 01 điện thoại di động hiệu Asus Zenphone màu đen, máy đã qua sử dụng, số IMEI 1: 357867063074166, số IMEI 2: 357867063074174.

- Giao Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 – Thành phố Hồ Chí Minh 01 (một) xe máy hiệu honda Wave RSX, màu đen, biển số: 59M2 - 041.55, không có số khung, số máy, đã qua sử dụng, không kiểm tra máy móc bên trong, không kiểm tra tình trạng hoạt động để thông báo tìm kiếm chủ sở hữu và giao trả. Nếu quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày ra thông báo mà không có chủ sở hữu hợp pháp đến nhận xe thì tịch thu và nộp ngân sách Nhà nước.

(Tài sản tịch thu nộp ngân sách, tiêu hủy được ghi trong Quyết định chuyển vật chứng số 08/QĐ-VKQ.B ngày 03/01/2024 của Viện kiểm sát nhân dân Quận B và Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 07/03/2024 của Thi hành án dân sự Quận C).

Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Áp dụng Điều 331, Điều 333, Điều 336 và Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025;

Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND TP.HCM;
- VKSND KV1-TP.HCM;
- THADS TP.HCM;
- PV06-CATP.HCM;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VP, hồ sơ (T.k Ngọc).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Sơn